

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DIỄN CHÂU
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2018/HSST

Ngày: 06-3-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DIỄN CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đoàn Thị Kiều Hương.

Các hội thẩm nhân dân: ông Trần Lộc và bà Nguyễn Thị Dung.

- Thư ký phiên toà: Bà Hồ Thị Hằng – Thư ký Toà án nhân huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 14/2018/ HSST, ngày 09 tháng 02 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2018/HSST-QĐ ngày 23 tháng 02 năm 2018 đối với bị cáo:

1. Họ và tên: Trịnh Đình G, (tên gọi khác: không); Sinh ngày 02 tháng 3 năm 1974 tại xã DL, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An;

Nơi cư trú: xóm a, xã DC, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trịnh Ng và con bà Nguyễn Thị Đ (đều đã chết); vợ: Lê Thị Thanh H, sinh năm 1974 và có 02 con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Ngày 24/8/2004, bị Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An xử phạt 18 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; Ngày 28/9/2011, bị Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội xử phạt 24 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy; bị tạm giữ tạm giam tại Công an tỉnh Nghệ An từ ngày 22/11/2017 đến nay; (có mặt).

- Người làm chứng:

1. Anh Nguyễn D, sinh năm 1986

Nơi cư trú: Xóm b ĐT, xã DTh, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An

2. Anh Lê Văn T, sinh năm 1979

Nơi cư trú: xóm a, xã DP, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An.

3. Anh Cao Đức L, sinh năm 1996

4. Ông Bùi Xuân H, sinh năm 1966

Cùng nơi cư trú: thôn c, xã DK, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An.

(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 10 giờ 05 phút ngày 21/11/2017, Công an huyện Diễn Châu đã bắt quả tang Nguyễn D, sinh năm 1986 (trú tại xóm b ĐT, DT, Diễn Châu) và Lê Văn T, sinh năm 1979 (trú tại: xóm a, DP, Diễn Châu) về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, thu giữ 01 gói màu trắng bên trong chứa bột màu trắng nghi là ma túy, 01 bật lửa ga và 02 mảnh giấy bạc đã qua lửa. Tại cơ quan điều tra D và T đã khai nhận như sau: Khoảng 9 giờ 30 phút ngày 21/11/2017, T rủ D góp mỗi người 100.000 đồng để đi mua ma túy về sử dụng. Sau khi góp tiền, D gọi điện thoại cho Trịnh Đình G hỏi: “có hàng (tức ma túy) không để cho em 200.000 đồng”, G trả lời “có” và hẹn gặp D ở cây xăng xã DC. Sau đó D và T đi lên cây xăng xã DC chờ một lúc thì thấy G đi xe máy đến. G bảo D ngồi lên xe máy rồi chở vào nghĩa trang sát bên cây xăng, khi vào đến nơi D đưa cho G 200.000 đồng, G cầm tiền và lấy trong túi quần bên trái ra 01 gói ma túy được gói trong mảnh giấy màu trắng đưa cho D, D cầm gói ma túy và đi ra gặp T. Cả 2 cầm gói ma túy vừa mua được cùng đi ra nghĩa trang liệt sỹ huyện Diễn Châu (thuộc xã DP) để sử dụng thì bị công an phát hiện bắt quả tang.

Đến khoảng 9 giờ 45 phút ngày 22/11/2017, cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Diễn Châu thi hành lệnh bắt và khám xét khẩn cấp số 01 ngày 22/11/2017 đối với Trịnh Đình G. Quá trình khám xét phát hiện thu giữ: 01 gói vỏ màu trắng bên trong có chứa chất bột màu trắng nghi là ma túy (giấu phía trong túi áo bò của G) và 01 gói bên ngoài được gói bằng giấy màu trắng, bên trong có chứa chất bột màu trắng nghi là ma túy tại kệ để tivi trong phòng khách.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Trịnh Đình G đã thành khẩn khai nhận: Toàn bộ số ma túy trên là do bị cáo G mua của người phụ nữ tên là Ngô Thị B sinh năm 1965 (trú tại: thôn c, DK, Diễn Châu) vào khoảng 10 giờ ngày 20/11/2017 với giá 450.000 đồng. Sau khi mua được ma túy, G chia thành các gói nhỏ: trong đó 01 gói bán cho D và T, còn lại 02 gói đã G cất giấu ở nhà với mục đích vừa sử dụng vừa nếu có ai hỏi thì bán để kiếm lời thì bị cơ quan công an khám xét thu giữ.

Kết luận giám định số 20/KL-PC54 (MT) ngày 26/11/2017 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nghệ An, kết luận: Mẫu chất bột màu trắng thu giữ của Nguyễn D và Lê Văn T gửi tới giám định là ma túy (Heroin), có trọng lượng 0,02gam; Mẫu

chất bột màu trắng thu giữ của Trịnh Đình G gửi tới giám định là ma túy (heroin), có trọng lượng 0,1gam.

Với hành vi nêu trên bị cáo G đã bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Diên Châu truy tố về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 điều 194 của Bộ luật hình sự 1999 tại Bản cáo trạng số 18/CT-VKSDC, ngày 09/02/2018.

Luận tội tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diên Châu đã đánh giá tính chất, hành vi phạm tội cũng như nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trịnh Đình G phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và áp dụng: **khoản 1 điều 194 Bộ luật hình sự 1999**; điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự 2015; xử phạt bị cáo Trịnh Đình G từ 30 (ba mươi) đến 36 (ba mươi sáu) tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung. Về vật chứng: tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy đã thu giữ; tịch thu sung quỹ nhà nước chiếc điện thoại di động là phương tiện phạm tội, truy thu số tiền 200.000 đồng là khoản tiền thu lợi bất chính của bị cáo.

Không có ai tranh luận gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

Quá trình điều tra, truy tố Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát nhân dân huyện Diên Châu đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về hoạt động “Điều tra” “Truy tố”, đồng thời đã giải thích và tạo điều kiện để các bị cáo, những người tham gia tố tụng khác thực hiện đúng và đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2]. Về nội dung:

2.1. Xét lời khai của bị cáo G hoàn toàn phù hợp với lời khai của những người làm chứng, phù hợp với nội dung Biên bản bắt và khám xét của cơ quan điều tra, vật chứng thu giữ được và kết luận giám định cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án; bị cáo G đã có hành vi mua trái phép chất ma túy có trọng lượng là 0,12gam nhằm mục đích vừa sử dụng và bán để kiếm lời. Như vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện Diên Châu đã truy tố bị cáo G về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 điều 194 Bộ luật hình sự 1999 là hoàn toàn chính xác và phù hợp với quy định của Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 về việc thi hành Bộ luật hình sự số

100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 và về hiệu lực thi hành của BLTTHS số 101/2015/QH13.

2.2. Đánh giá tính chất vụ án: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy mà còn là nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm khác, làm gia tăng người nghiện hút ma túy trong xã hội, gây mất trật tự trị an. Bị cáo hoàn toàn có đủ nhận thức để hiểu rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo đã bất chấp để cố tình thực hiện hành vi phạm tội miễn sao có lợi cho cá nhân bị cáo. Trong tình hình hiện nay các tội phạm về ma túy ngày càng gia tăng nhất là trên địa bàn huyện Diên Châu, vì vậy cần phải lên một mức án nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo đồng thời cần tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp

2.3. Về việc đánh giá nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị cáo có nhân thân xấu, đã 2 lần bị xét xử về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” đã được xóa án tích, nhưng bị cáo không từ bỏ, không chịu tu dưỡng mà tiếp tục phạm tội; trong quá trình điều tra và trước phiên tòa bị cáo luôn có thái độ khai báo thành khẩn, thể hiện sự ăn năn hối cải. Bố mẹ ruột của bị cáo là những người có công với nhà nước được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhì. Đây được xem là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự 2015 để Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần nào khi quyết định hình phạt cho bị cáo

Bị cáo không có nghề nghiệp thu nhập không ổn định, gia đình có hoàn cảnh khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

Trong quá trình điều tra, còn có đối tượng tên Nguyễn Thị B là người bán ma túy cho G nhưng hiện tại B đang trốn khỏi địa phương, chưa xác định được địa chỉ nên Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh khi có căn cứ sẽ xử lý sau.

Đối với các đối tượng là Nguyễn D và Lê Văn T đã bị cơ quan điều tra xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy là phù hợp với quy định. Hội đồng xét xử không xem xét.

2.3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 2 điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015, cần tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy đã thu giữ của Lê Văn T, Nguyễn D và bị cáo Trịnh Đình G; tịch thu sung quỹ nhà nước chiếc điện thoại di động Nokia X1 màu đen đã qua sử dụng là phương tiện phạm tội của bị cáo; Buộc bị cáo G phải nộp lại số tiền 200.000 đồng là khoản tiền thu lợi bất chính để sung quỹ nhà nước.

2.4. Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 194 Bộ luật hình sự 1999; điểm s khoản 1 khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự 2015. Xử phạt bị cáo Trịnh Đình G 30 (ba mươi) tháng tù về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 22/11/2017.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 2 điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015, cần tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy đã thu giữ của Lê Văn T, Nguyễn D và bị cáo Trịnh Đình G; tịch thu sung quỹ nhà nước chiếc điện thoại di động Nokia X1 màu đen đã qua sử dụng là phương tiện phạm tội của bị cáo; Các vật chứng trên hiện đang được bảo quản tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Diễn Châu theo phiếu nhập kho số 245 ngày 09/02/2018.

Buộc bị cáo G phải nộp lại số tiền 200.000 đồng là khoản tiền thu lợi bất chính để sung quỹ nhà nước.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Về án phí: Căn cứ vào điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14. Buộc bị cáo Trịnh Đình G phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

(đã ký)

Trần Lộc

Nguyễn Thị Dung

Đoàn Thị Kiều Hương